| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH HẢI DƯƠNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 257/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26/7/2024.
*"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Cường

*Các Hội thẩm nhân dân*: Bà Đỗ Thị Thanh và bà Mai Thị Thảo

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Đinh Thị Hồng Hảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 106/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 298/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 217/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị L,** sinh năm 1993,

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn Đ, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng. Nơi ở hiện nay: Ở nước ngoài.

*Người được chị L ủy quyền giao, nhận văn bản tố tụng:* Bà **Nguyễn Thị H,** sinh năm 1968; Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn M,** sinh năm 1990,

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Khu dân cư K, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Singapore.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Nguyễn Thị H,** sinh năm 1968; Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng.

* Người tham gia tố tụng khác:

- Người làm chứng: Ông **Nguyễn Văn Đ,** sinh năm 1960 và bà **Nguyễn Thị N,** sinh năm 1962; Địa chỉ: Khu dân cư K, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Chị L, bà H, anh M, ông Đ và bà N vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị L trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn M tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, thị xã C (nay là phường V, thành phố C) tỉnh Hải Dương vào ngày 28/7/2017. Quá trình chung sống, vợ chồng chung sống hạnh phúc được hơn 05 năm. Mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu phát sinh từ tháng 12/2022 do phong cách sống không còn phù hợp, nghi ngờ nhau trong quan hệ bạn bè xã hội, anh M chơi cờ bạc không quan tâm đến gia đình, vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi. Thực tế chị và anh M đã sống ly thân từ tháng 10/2023 đến nay và không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau. Mặc dù hai bên gia đình đã cố gắng hòa giải và hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Đến nay, chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, hôn nhân không hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh M để sớm ổn định cuộc sống riêng.

- Về con chung: Chị và anh M có 01 con chung là cháu Nguyễn Khánh V, sinh ngày 26/3/2018, hiện nay cháu V do chị nuôi dưỡng và đang ở với bà ngoại (bà Nguyễn Thị H). Khi ly hôn, chị đề nghị giao cháu V cho chị tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do anh chị tự thỏa thuận đảm bảo quyền lợi của con nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong thời gian chị ở nước ngoài, chị ủy quyền cho bà nội là bà Nguyễn Thị H (mẹ đẻ của chị) thay chị chăm sóc con chung cho đến khi chị về nước.

- Về tài sản chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

**Ý kiến của bị đơn về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn**:

Do chị L không cung cấp được địa chỉ của anh M ở Singapore nên Tòa án đã tiến hành xác minh với gia đình anh M. Ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị N (là bố mẹ đẻ anh M) trình bày: Anh M và chị L tự do tìm hiểu, được gia đình hai bên tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương vào năm 2017. Sau khi kết hôn chị L không về nhà ông bà chung sống mà vẫn ở gia đình nhà chị L tại thành phố Hải Phòng, còn anh M quay lại Singapore tiếp tục công việc. Anh M vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình ông bà qua điện thoại. Tuy nhiên, anh M không cho ông bà biết địa chỉ cụ thể nên ông bà không cung cấp được cho Tòa án, mặc dù đã được Toà án yêu cầu nhiều lần. Ông bà đã thông báo cho anh M biết việc chị P có đơn xin ly hôn, hiện nay anh M đang lao động tại Singapore nên không thể về để trình bày ý kiến hay gửi quan điểm về cho Tòa án được. Anh M có trao đổi lại quan điểm với ông bà để trình bày lại với Tòa án là anh M đã biết việc

chị L yêu cầu giải quyết ly hôn, anh M xác định vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, anh M nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị L. Anh M xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Khánh V, sinh ngày 26/3/2018, hiện nay cháu V đang ở cùng với chị L tại Hải Phòng. Khi ly hôn chị L có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung, anh M nhất trí và việc cấp dưỡng con chung tự anh chị thỏa thuận. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa:* Nguyên đơn chị L có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn anh M vắng mặt tại phiên tòa không có lý do; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà H có quan điểm xin vắng mặt.

**Đại diện Viện sát nhân dân tỉnh H phát biểu quan điểm:**

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Xử cho chị Phạm Thị L ly hôn anh Nguyễn Văn M; Giao cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 01 con chung là cháu Nguyễn Khánh V, sinh ngày 26/3/2018 kể từ tháng 7/2024 đến khi trưởng thành và cấp dưỡng do chị L anh M tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết. Trong thời gian chị L ở nước ngoài, tạm giao cháu V cho bà nội là bà Nguyễn Thị H thay chị L chăm sóc cho đến khi chị L về nước; Về tài sản chung, vay nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không phải giải quyết; Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tố tụng:

Chị Phạm Thị L khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn giữa chị và anh Nguyễn Văn M. Anh M hiện nay đang sinh sống và lao động ở Singapore, có địa chỉ trước khi xuất cảnh tại phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Chị L vắng mặt tại phiên toà và có đơn đề nghị xử vắng mặt, bà H có

quan điểm xin vắng mặt, anh M đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa những vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị L, anh M và bà H.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Văn M tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, thị xã C (nay là phường V, thành phố C) tỉnh Hải Dương vào ngày 28/7/2017 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng chung sống hạnh phúc sau đó mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu phát sinh từ tháng 12/2022 do phong cách sống không còn phù hợp, nghi ngờ nhau trong quan hệ bạn bè xã hội. Thực tế chị L và anh M đã sống ly thân từ tháng 10/2023 đến nay và không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau. Mặc dù được hai bên gia đình đã cố gắng hòa giải và hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Anh M xác định cuộc sống hôn nhân có nhiều mâu thuẫn, nay chị L có đơn xin ly hôn thì anh M cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị L và anh M đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận cho chị P được ly hôn anh M là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Chị L và anh M có 01 con chung là cháu Nguyễn Khánh V, sinh ngày 26/3/2018, hiện nay cháu V đang được mẻ đẻ chị L nuôi dưỡng, cháu có sức khoẻ tốt, điều kiện sinh sống và học tập ổn định. Chị L đề nghị được nuôi dưỡng con chung, trong thời gian chị ở nước ngoài thì chị nhờ mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị H thay chị chăm sóc con. Anh M nhất trí với đề nghị của chị L, do vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị L, giao con chung cho chị nuôi dưỡng.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị L tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, hiện tại điều kiện nuôi dưỡng con chung của chị L là đảm bảo, nên cần chấp nhận sự tự nguyện của chị L.

Anh Nguyễn Văn M được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn M.

2. Về con chung: Giao cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 01 con chung cháu Nguyễn Khánh V, sinh ngày 26/3/2018 thời gian từ tháng 7/2024 cho đến con đủ 18 tuổi. Trong thời gian chị L ở nước ngoài, bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm thay chị chăm sóc cháu Nguyễn Khánh V cho đến khi chị L về nước. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Nguyễn Văn M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/23 số 0000500 ngày 06/3/2024 (chị L đã nộp đủ án phí).

4. Về quyền kháng cáo: Bà H có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình, Chị L và anh M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường Văn Đức, thành phố Chí Linh (*để ghi vào sổ hộ tịch*);
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa HC, Tòa GĐ&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Cường**